TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **295**/2024/HS-ST
Ngày: 29 – 11 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT – TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Tâm

2. Bà Trần Thị Ngọc Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 29 tháng 11 năm 2024, tại phòng xét xử - Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 305/2024/HSST ngày 01 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2024/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 11 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C; sinh năm 1990, tại tỉnh B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố L, phường A, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Khu phố L, phường A, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Công nhân; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; cha: Nguyễn Văn H, sinh năm 1960 (đã chết); mẹ: Đào Thị L, sinh năm 1966; vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1992; có 01 con, sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; ngày 03/6/2021, bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát (nay là thành phố Bến Cát), đến ngày 09/6/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại khu phố L, phường A, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương cho đến nay.

2. Nguyễn Văn S; sinh năm 1997, tại tỉnh B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 2A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; chỗ ở: Khu phố L, phường A, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Công nhân; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; cha: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1962; mẹ: Lê Thị U, sinh năm 1963; bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình có 04 anh em, chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; ngày 03/6/2021, bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát (nay là thành phố Bến Cát), đến ngày 09/6/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại ấp L, xã A, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Quá trình điều tra, vi phạm nghĩa vụ cấm đi khỏi nơi cư trú, ngày 21/6/2024 bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Bến Cát đến nay.

3. Trần Văn M; sinh năm 1995, tại tỉnh B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: Ấp 1, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Công nhân; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; cha: Trần Văn Đ, sinh năm 1947 (đã chết); mẹ: Dương Thị T (H), sinh năm 1953 (đã chết); bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình có 05 anh chị em, chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; ngày 03/6/2021, bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát (nay là thành phố Bến Cát), đến ngày 09/6/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại khu phố L, phường A, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương cho đến nay.

Bị hại: Công ty Trách nhiệm hữu hạn C; địa chỉ: khu phố D, phường A, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm: 1992; HKTT: Xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2024)

(Các bị cáo có mặt; bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S và Trần Văn M đều là công nhân làm việc tại công ty C, địa chỉ: ấp L, xã A, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố L, phường A, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương). C làm tài xế, S làm phụ xe, M làm thủ kho xưởng 2 (kho dây kéo).

Khoảng 09 giờ ngày 31/5/2021, C điều khiển xe ôtô tải biển số 61LD-044.59 chở S đến kho xưởng 2 của công ty C để nhận hàng (dây kéo thành phẩm) đi giao cho công ty P, địa chỉ: phường A, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Do C để ý thấy công ty C có sơ hở trong việc kiểm hàng xuất xưởng và đang cần tiền tiêu xài nên C nảy sinh ý định lấy trộm dây kéo thành phẩm đem bán lấy tiền tiêu xài nên đi lại rủ M cùng tham gia lấy trộm dây kéo đem bán lấy

tiền chia nhau tiêu xài thì M đồng ý. Sau đó, lợi dụng lúc M, S cùng với ông X (Quốc tịch Hàn Quốc) là Phó giám đốc công ty đang kiểm hàng và đưa hàng lên thùng xe thì C lén lút vào trong kho lấy trộm 14 (mười bốn) cuộn dây kéo loại thành phẩm xuất kho mang lên giấu trong cabin xe. Lúc này, M nhìn thấy toàn bộ hành vi lấy trộm của C. Sau khi nhận hàng xong, C và S lên xe để đi sang kho xưởng 1 để tiếp tục nhận hàng xuất kho. Khi lên xe, S phát hiện 14 (mười bốn) cuộn dây kéo thành phẩm nên hỏi thì C nói C vừa lấy trộm được sẽ mang ra ngoài bán lấy tiền chia cho S thì S đồng ý. Khi xe ra đến cổng xưởng 2, bảo vệ cổng không kiểm tra cabin xe nên C và S thuận lợi mang tài sản lấy trộm được ra ngoài. Khi đến kho xưởng 1 nhận hàng xuất kho là đầu dây kéo (thành phẩm, đóng thùng, C nhìn thấy gần vị trí để hàng xuất kho có để nhiều khay đựng đầu dây kéo bán thành phẩm thì nảy sinh ý định lấy trộm đầu dây kéo mang ra ngoài bán lấy tiền tiêu xài. Lợi dụng lúc chuyển hàng lên xe không có người để ý, C lén lút bưng 03 (ba) khay đựng 4.425 đầu dây kéo bán thành phẩm lên giấu trong cabin. Sau chất hàng xong, S lên xe thì thấy 03 (ba) khay đựng đầu dây kéo nên hỏi thì C nói C vừa lấy trộm được, sẽ mang ra ngoài bán chia tiền cho S thì S đồng ý. Khi xe chạy ra đến cổng xưởng 1 thì Bảo vệ không kiểm tra cabin xe nên C và S thuận lợi mang số hàng lấy trộm ra bên ngoài. Sau đó, C điều khiển xe chạy đến công ty P ở thành phố T để đi giao hàng. Trên đường đi, C dừng xe lại và cùng S chuyển 14 (mười bốn) cuộn dây kéo thành phẩm và 03 (ba) khay chứa 4.425 đầu dây kéo bán thành phẩm từ cabin ra phía sau thùng xe. Sau khi giao hàng cho công ty P xong, C điều khiển xe ra về để tìm chỗ tiêu thụ. Tuy nhiên, khi C và S vừa ra đến cổng công ty P thì bị bảo vệ kiểm tra phát hiện trên xe có 14 (mười bốn) cuộn dây kéo thành phẩm và 03 (ba) khay đựng 4.425 đầu dây kéo bán thành phẩm nhưng C, S không xuất trình được giấy tờ chứng minh. Công ty P đã liên hệ công ty C để xác minh sự việc. Ngày 02/6/2021, đại diện Công ty C đã đến Công an xã A trình báo sự việc. Sau đó vụ việc được chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: 14 (mười bốn) cuộn dây kéo dài 2.800 mét; 4.425 cái đầu kéo.

Theo Kết luận định giá tài sản số 126 ngày 08/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Bến Cát, kết luận: 14 (mười bốn) cuộn dây kéo dài 2.800 mét (sản phẩm hoàn thiện 100%) có giá trị 6.451.200 đồng. 4.425 cái đầu dây kéo (sản phẩm hoàn thiện 11,16%) có giá trị 19.339.872 đồng. Tổng giá trị tài sản là: 25.791.072 đồng.

Tại Cáo trạng số 259/CT-VKSBC ngày 13/9/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S, Trần Văn M về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo, bị hại đồng ý đối với Kết luận định giá tài sản 126 ngày 08/9/2023 của Hội đồng định giá và tội danh Viện Kiểm sát truy tố.

Về dân sự: 14 (mười bốn) cuộn dây kéo và 4.425 cái đầu kéo đã được thu hồi trả cho bị hại. Bị hại không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo theo Cáo trạng số 259/CT-VKSBC ngày 13/9/2024 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt đối với các bị cáo: Nguyễn Văn C từ 12 (mười hai) tháng đến 14 (mười bốn) tháng tù; Nguyễn Văn S từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù; Trần Văn M từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo đồng ý đối với toàn bộ nội dung Bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát và không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo (Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S, Trần Văn M) biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[01] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Cát, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[02] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S, Trần Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng số 259/CT.VKSBC ngày 13/9/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát đã truy tố, đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Khoảng 09 giờ ngày 31/5/2021, tại kho xưởng 2 của công ty C, địa chỉ: ấp L, xã A, thị xã Bến Cát (nay là khu phố L, phường A, thành phố Bến Cát), tỉnh Bình Dương, Nguyễn Văn C, Trần Văn M và Nguyễn Văn S đã có hành vi cùng nhau lén lút lấy trộm 14 (mười bốn) cuộn dây kéo dài 2.800 mét trị giá 6.451.200 đồng. Sau đó, khoảng 10 giờ cùng ngày, khi di chuyển từ kho xưởng 2 đến kho xưởng 1 của công ty C để tiếp tục nhận hàng, Nguyễn Văn C

và Nguyễn Văn S tiếp tục có hành vi lén lút lấy trộm 4.425 cái đầu kéo trị giá 19.339.872 đồng. Tổng giá trị tài sản C, S lấy trộm ở xưởng 1 và 2 là 25.791.072 đồng.

[2.2] Các bị cáo có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu của người khác. Trong đó C là người trực tiếp thực hiện hành vi hai lần. M giúp sức cho C thực hiện hành vi phạm tội ở xưởng 2; S giúp sức cho C thực hiện hành vi phạm tội ở xưởng 1 và xưởng 2. Giá trị thiệt hại của từng lần đều trên 2.000.000đ, thỏa mãn các dấu hiệu cấu thành của tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số 259/CT – VKSBC ngày 13/9/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội.

[03] Xét tính chất, mức độ hành vi các bị cáo thực hiện: Hành vi của các bị cáo xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S và Trần Văn M phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, trong đó C là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. M giúp sức cho C thực hiện hành vi phạm tội ở xưởng 1, S giúp sức cho C thực hiện hành vi phạm tội ở xưởng 1 và xưởng 2. Riêng đối với bị cáo S, quá trình điều tra vi phạm nghĩa vụ cấm đi khỏi nơi cư trú, bỏ trốn, bị truy nã, gây khó khăn, kéo dài trong công tác điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ mà mỗi bị cáo đã thực hiện thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[04] Xét nhân thân các bị cáo: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

[05] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo C, S hai lần thực hiện hành vi trộm cắp, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[06] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S, Trần Văn M đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[07] Xét thấy bị cáo Trần Văn M có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, việc bị cáo M được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh, an toàn xã hội, do đó căn cứ quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Văn bản hợp nhất Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo số: 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao, bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo đồng thời Hội đồng xét xử ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

[08] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng", tuy nhiên do các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[09] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị thiệt hại đã được thu hồi trả cho bị hại. Bị hại không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát về hình phạt đối với bị cáo Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo Nguyễn Văn C tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/6/2021 đến ngày 09/6/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo Nguyễn Văn S tính từ ngày 21/6/2024, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/6/2021 đến ngày 09/6/2021.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Văn bản hợp nhất Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo số: 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Văn M 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày Tòa tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Trần Văn M thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S, Trần Văn M, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND T. Bình Dương;
- VKSND TX. Bến Cát;
- Công an TX. Bến Cát;
- Chi cục THADS TX. Bến Cát;
- CQ THAHS TX. Bến Cát;
- Bị cáo; bị hại;
- UBND xã T, H. Hồng Ngự T. Đồng Tháp.
- Lưu H.s; AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Nga